

Bản án số: 55/2023/DS-PT
Ngày 21-3-2023
V/v Tranh chấp đòi lại
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Bà Tăng Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông C Trần Nhật Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 231/2022/TLPT-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số 209, ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Triệu Minh C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

3. Bà Trương Thị K, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

5. Bà Không Thị L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Minh H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án, quyết định bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo được tóm tắt như sau:

* Nguyên đơn trình bày: Năm 2015 bà H làm chủ hội, nhưng các hội viên hốt xong không đóng lại hội chết, từ đó bà mất cân đối nên bị bẽ hội gia đình nợ nhiều người. Vào ngày 02/3/2018, gia đình bà H được Hội đồng giải phóng mặt bằng đền bù phần đất nằm trong diện quy hoạch với số tiền là: 800.000.000 đồng. Do quen biết với ông Nguyễn Minh H, hơn nữa ông H là luật sư, từng là người đại diện ủy quyền cho gia đình bà H để khởi kiện tranh chấp với các người khác trước đây, nên bà H tin tưởng giao cho ông Nguyễn Minh H trả cho 08 hộ mà bà H thiếu là: 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Sau khi nhận xong số tiền trên ông Nguyễn Minh H không trả bất cứ người nào, được biết những người bà H nợ hội họ chưa nhận được tiền, biết mình bị lừa, bà H có điện hỏi thì ông H năng nỉ sẽ trả số tiền trên cho 08 hộ, bà H có gặp ông H nhiều lần, mãi đến nay ông H vẫn không trả cho các người bà H nợ mà từ chối không có nhận tiền của bà H, nhằm muốn chiếm đoạt số tiền bà H giao cho ông H.

Theo đơn bà H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Nguyễn Minh H phải trả lại số tiền: 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, bà H rút lại không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn ông Nguyễn Minh H, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Minh C, bà Huỳnh Thị N, bà Trương Thị K, bà Nguyễn Thị M, bà Không Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S, bà Nguyễn Thị Bé C trình bày:

Khoảng đầu năm 2018, ông Triệu Minh C, bà Huỳnh Thị N, bà Trương Thị K, bà Nguyễn Thị M, bà Không Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị S và bà Nguyễn Thị Bé C có ủy quyền cho ông H khởi kiện bà H và ông Dương M (chồng bà H) trong vụ tranh chấp hợp đồng hội (riêng bà K là tranh chấp hợp đồng

vay tài sản), ông H được tham gia các giai đoạn tố tụng tại tòa án. Sau khi khởi kiện bà H và ông Dương M, thì 08 người khởi kiện nêu trên có đơn gửi đến Ban đền bù giải phóng mặt bằng cụm Công nghiệp xã H, để ngăn chặn số tiền đền bù đất cho bà H, nên bà H đồng ý trả trước cho 08 người, mỗi người 50% với điều kiện là 08 người phải rút lại đơn ngăn chặn để bà H nhận tiền đền bù.

Sau khi thống nhất hòa giải với bà H xong, thì Ban đền bù yêu cầu 08 người và đại diện theo ủy quyền của 08 người (ông H) phải có mặt tại nhà bà H lúc 8 giờ sáng ngày 02/3/2018 để Ban đền bù chi trả tiền đền bù cho bà H; để vợ chồng bà H chi trả 50% tổng số nợ cho 08 người như đã thỏa thuận, có mặt cùng với ông H như ngày giờ đã nêu trên. Bà H yêu cầu ông H soạn cho 08 người, mỗi người một tờ biên nhận riêng ký trước mặt bà H, song song đó bà H còn yêu cầu ông H là người đại diện ủy quyền cho 08 người ghi tờ biên nhận chung để nhận của bà H 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

Lúc đó ông H nói “ Tôi đã soạn cho 08 người này từng tờ biên nhận ký cho chị rồi, cần ghi chung một tờ nữa làm gì”, thì bà H nói ông H đại diện cho những người này thì bà H nói chỉ giao tiền cho ông H và ông H chia ra cho 08 người, còn những tờ biên nhận của 08 người này bà H giữ để chứng minh là từng người đã nhận 50% số tiền bà H trả trước theo thỏa thuận. Lúc này ông H hỏi ý kiến 08 người có đồng ý để ông H thay mặt nhận số tiền: 255.000.000 đồng này không, nếu 08 người đồng ý thì ông H ghi giấy để thay mặt nhận: 255.000.000 đồng; thì 08 người đều đồng ý và nói “ bà H muốn ghi giấy chung thì ghi cho bà, miễn là bà trả đủ 50% nợ như thỏa thuận là được rồi”. Khi ông H ghi tờ biên nhận đại diện ủy quyền cho 08 người nhận của bà H: 255.000.000 đồng, thì bà H giao cho ông H 255.000.000 đồng. Bà H còn nói “số tiền 50% còn lại đến hạn ngày 30/3/2019 qua Thi hành án mà nhận đừng có lại nhà bà H nữa”. Sau khi ông H nhận: 255.000.000 đồng, từ bà H thì 08 người cùng ông H qua quán cà phê Tài Linh (sát vách nhà bà H) rồi chia tiền ra cho 08 người, việc chia tiền kết thúc gần 13 giờ chiều cùng ngày.

Nay ông H không đồng trả số tiền: 255.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại Bản án sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 163; Điều 164; Điều 166; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị H kiện ông Nguyễn Minh H về việc "tranh chấp đòi lại tài sản (tiền)".

2. Buộc Nguyễn Minh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền 255.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu đồng).

3. Đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị H.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 12.750.000 đồng (đối với số tiền: 255.000.000 đồng x 5% = 12.750.000 đồng).

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 6.375.000 đồng (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), theo biên lai số: 0005115 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Minh H còn phải trả lãi cho bà Lê Thị H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 27-9-2022, bị đơn ông Nguyễn Minh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên và yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST, ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân

sự năm 2015, kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo.

[2]. Về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Vào ngày 02-3-2018 bà H đã trả cho 08 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do bị đơn ông Nguyễn Minh H làm đại diện ủy quyền, mỗi người là 50% với tổng số tiền của 08 người là 254.997.500 đồng, từng người làm biên nhận riêng, cụ thể trả cho ông Triệu Minh C số tiền 9.500.000 đồng, trả cho bà Huỳnh Thị N số tiền 8.000.000 đồng, trả cho bà Trương Thị K số tiền 37.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 24.000.000 đồng, trả cho bà Khổng Thị L 55.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 65.000.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 21.650.000 đồng, trả cho bà Nguyễn Thị Bé C số tiền 34.847.500 đồng. Số tiền bà H còn nợ mỗi người còn lại 50% hẹn đến ngày 30-3-2019 sẽ trả hết nợ, sau đó đến chiều ngày 02-3-2018, bị đơn đại diện cho ông C, bà N, bà K, bà M, bà L, bà L, bà S, bà C nhận số tiền 255.000.000 đồng để trả lại cho những người này.

[4]. Tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 09-4-2018 của Tòa án nhân dân huyện C lập, nguyên đơn vẫn thừa nhận còn nợ ông C số tiền 9.320.000 đồng theo biên nhận ngày 02-3-2018, nợ bà K số tiền 38.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02-3-2018, nợ bà N số tiền 8.000.000 đồng theo biên nhận ngày 02-3-2018 và đồng ý trả theo tờ biên nhận số tiền trên vào ngày 30-3-2019 và chừng nào đến thời điểm trả mà bà không trả mới có quyền khởi kiện bà. Mặt khác tại các biên bản hòa giải thành ngày 27-02-2018, ngày 28-02-2018 của Tòa án nhân dân huyện C lập thì nguyên đơn đã thỏa thuận trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 65.000.000 đồng vào ngày 03-3-2018, số tiền còn lại 65.000.000 trả vào ngày 03/3/2019, thỏa thuận trả Nguyễn Thị Bé C số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 30-3-2018, số tiền còn lại 39.695.000 trả vào ngày 30/3/2019, thỏa thuận trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30-3-2018, số tiền còn lại 20.530.000 trả vào ngày 30/3/2019, thỏa thuận trả Khổng Thị L số tiền 55.000.000 đồng vào ngày 30-3-2018, số tiền còn lại 55.000.000 trả vào ngày 30/3/2019, thỏa thuận trả Nguyễn Thị M số tiền 24.000.000 đồng vào ngày 30-3-2018, số tiền còn lại 24.430.000 trả vào ngày 30/3/2019.

[5]. Như vậy việc bà H thừa nhận nợ và thỏa thuận cách thức thanh toán tại các phiên hòa giải của Tòa án nhân dân huyện C là phù hợp với các biên nhận ngày 02-3-2018 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do đó việc bà H cho rằng đã giao số tiền 255.000.000 đồng cho bị đơn vào chiều ngày 02-3-2018 để trả lại cho những người trên là không có căn cứ.

[6]. Ngoài ra những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều trình bày rằng sau khi mỗi người ký riêng một biên nhận để nhận 50% số tiền xong thì bà H kêu ông H phải viết biên nhận chung của số tiền 50% đã trả và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đồng ý cho ông H viết biên nhận 255.000.000 đồng. Từ đó cho thấy việc ông H viết biên nhận số tiền 255.000.000 đồng vào ngày 02-3-2018 là của tổng số tiền 08 biên nhận ngày 02-3-2018 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận mặc dù có chênh lệch số tiền 2.500 đồng. Như vậy kháng cáo của bị đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng số tiền của 08 người viết biên nhận riêng cộng lại là 254.997.500 đồng, còn biên nhận của ông H viết cho bà H số tiền là 255.000.000 đồng chênh lệch 2.500 đồng và biên nhận riêng của 08 người nêu trên là đánh vi tính, còn biên nhận của ông H viết cho bà H là viết giấy tay bằng bút bi điều đó chứng minh giữa hai biên nhận này viết không cùng một thời điểm và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

[8]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí sơ thẩm nguyên phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[10]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[11]. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 47/2022/DS-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng và được tuyên lại như sau:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 244; Điều 147; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc buộc bị đơn ông Nguyễn Minh H hoàn trả số tiền 255.000.000 đồng.

2. Đình chỉ đối với phần yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu là 12.750.000 đồng. Phần tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án là 6.375.000 đồng mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0005115 ngày 21-5-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng, như vậy bà H còn phải nộp thêm số tiền là 6.375.000 đồng. Bị đơn không phải chịu án phí.

4. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu, trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005659 ngày 27-9-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-TAT;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Định